CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO

Ngày 31/12/2025	37,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.6%	**-4.1%**	**-7.0%**

DT thuần
Q4/25
48.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 14.2| 41.5%
YoY: ▼179| -78.7%

LN thuần
Q4/25
20.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 17.2| 587%
YoY: ▼120| -85.7%

LN sau thuế
Q4/25
15.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 12.6| 475%
YoY: ▼95.7| -86.2%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
45.1%
YoY: +/-▼ 4.1%

ROE
2025
34.6%
YoY: +/-▼ 36.6%

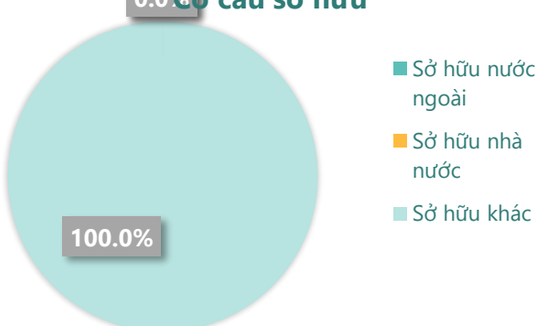
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	35,676 - 50,537
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,144
Số lượng CPLH (CP)	30,599,923
KLGD BQ 20 phiên (CP)	44,865
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.25
EPS	5,277
P/E	7.1

DT thuần
2025
451
tỷ VNĐ
YoY: ▼172| -27.6%

LN thuần
2025
203
tỷ VNĐ
YoY: ▼100| -33.2%

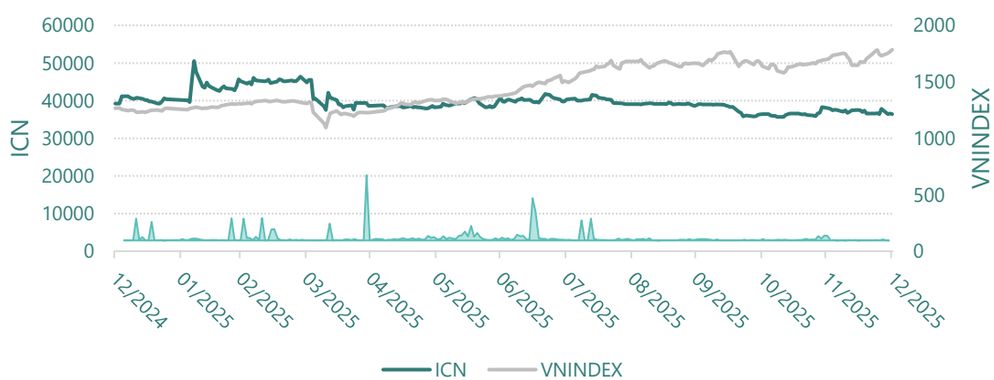
LN sau thuế
2025
161
tỷ VNĐ
YoY: ▼82.0| -33.4%

Cơ cấu sở hữu

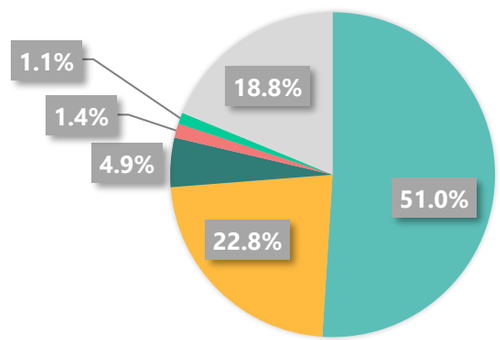


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

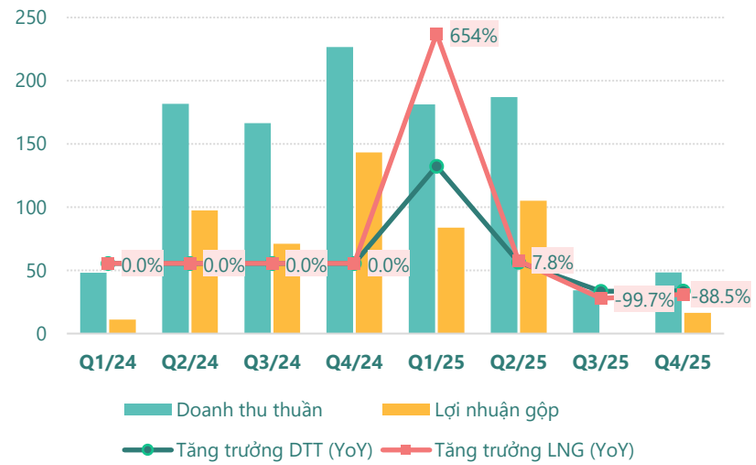


- Tổng công ty IDICO - CTCP
- CTCP Tập đoàn HAYAT Việt Nam
- CTCP Đầu tư Phát triển xây dựng Việt Nam
- Vũ Anh Tuấn (Thành viên HĐQT)
- CTCP Kiểm định xây dựng An Hòa
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

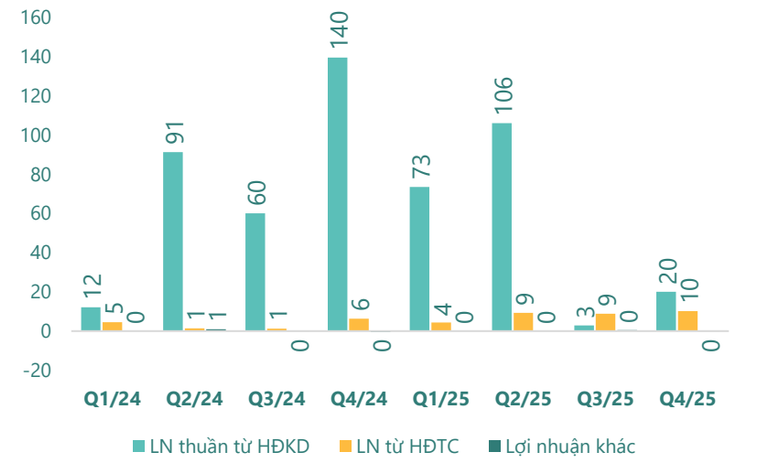
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



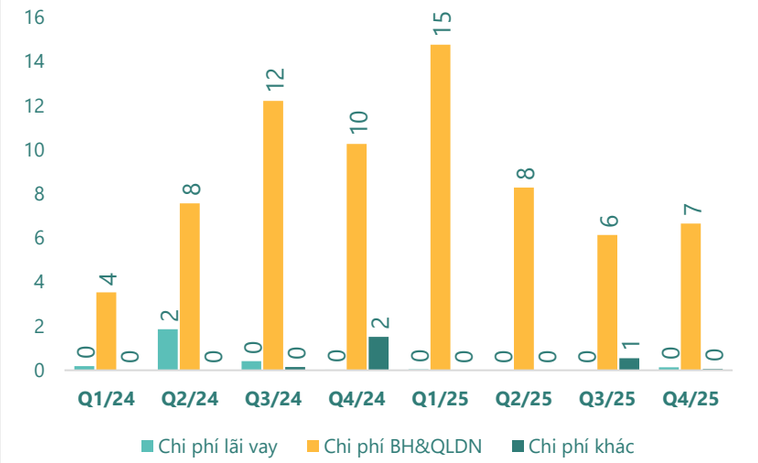
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



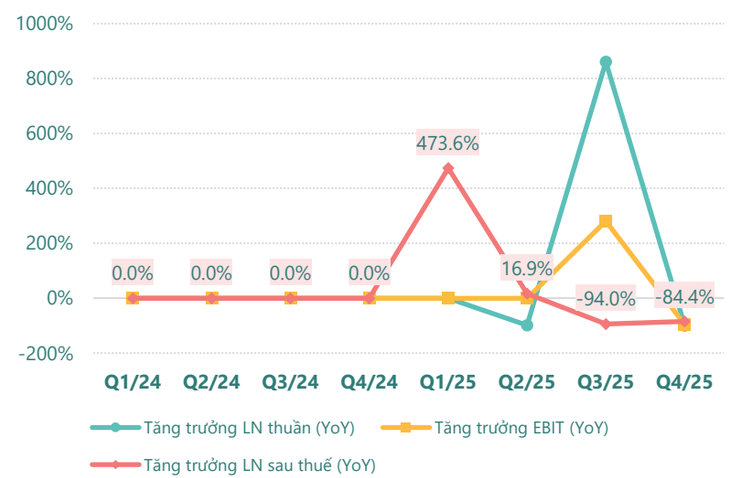
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



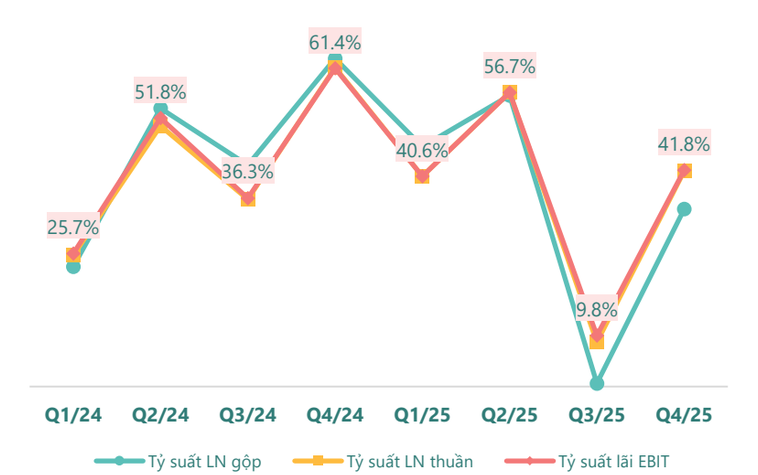
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



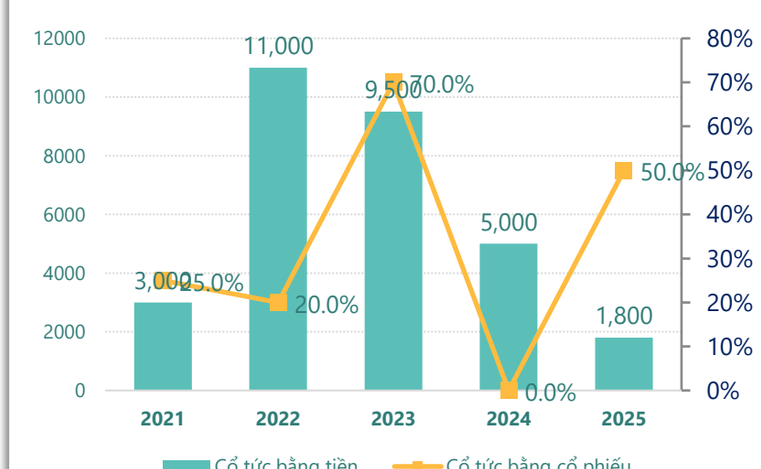
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

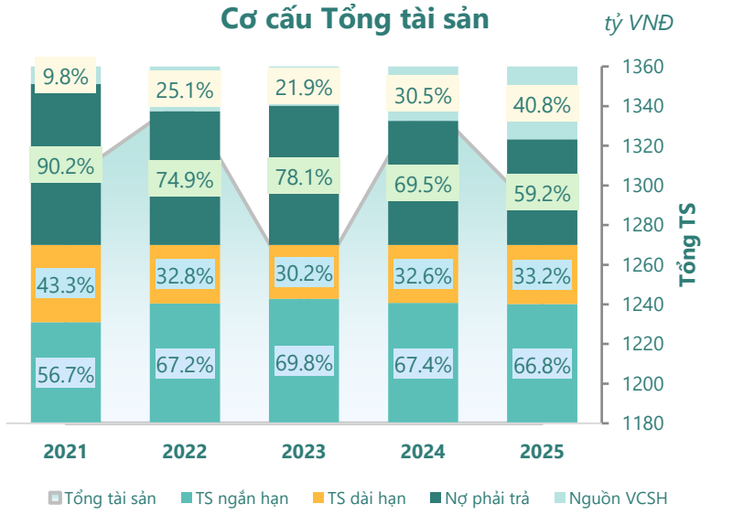
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

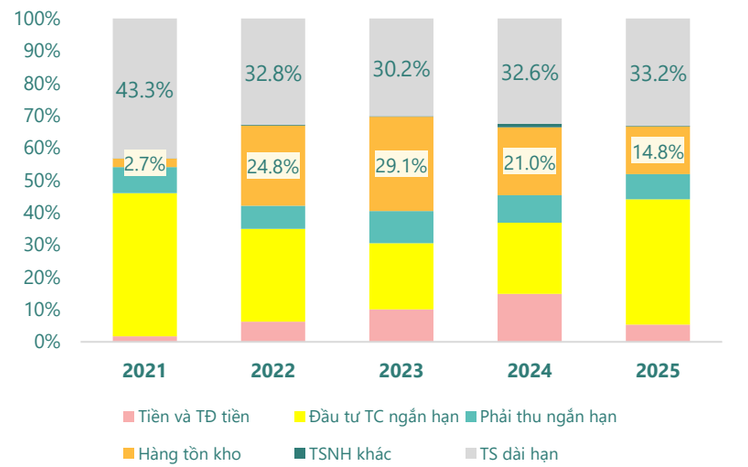
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



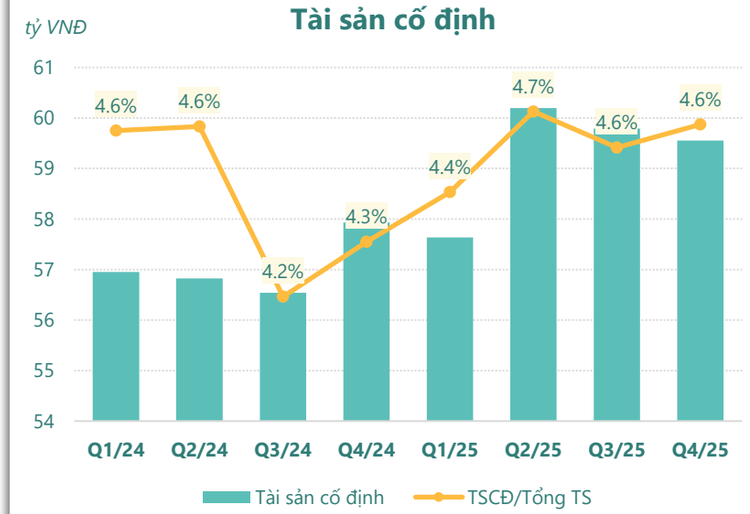
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



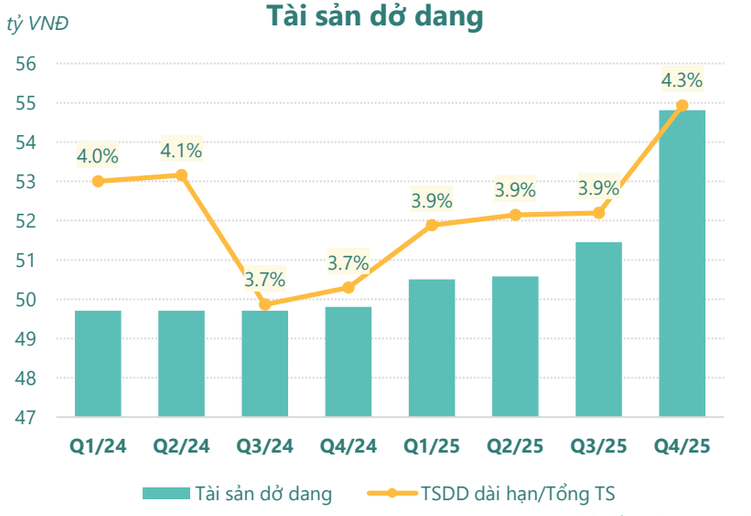
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



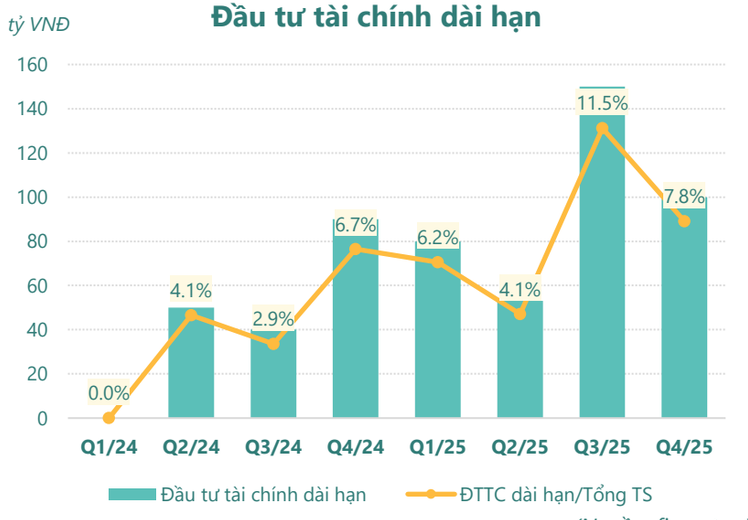
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



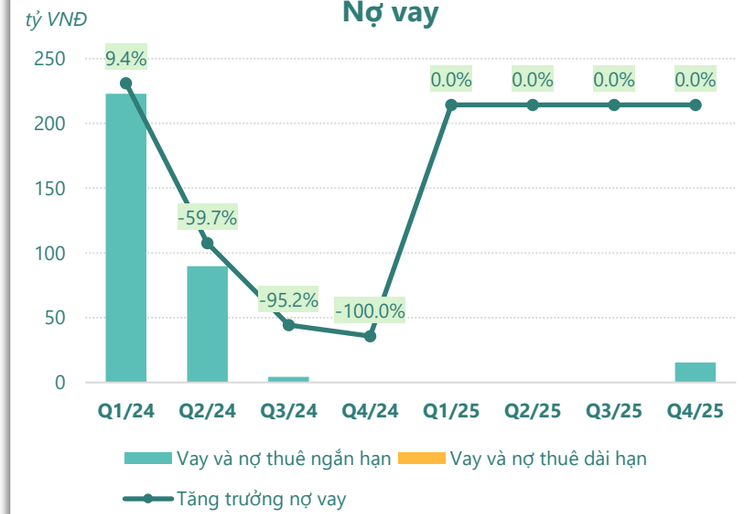
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

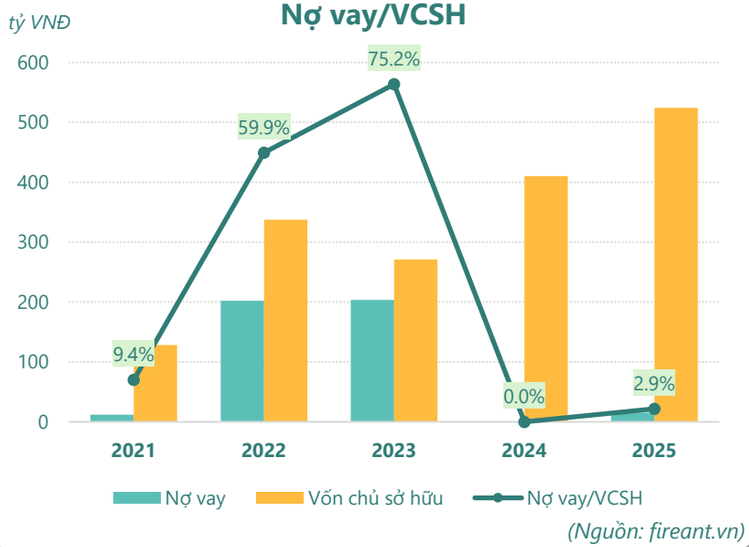
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

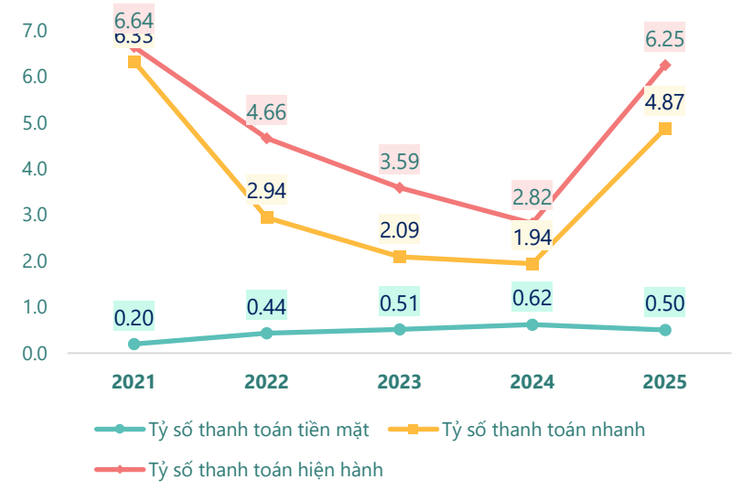
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



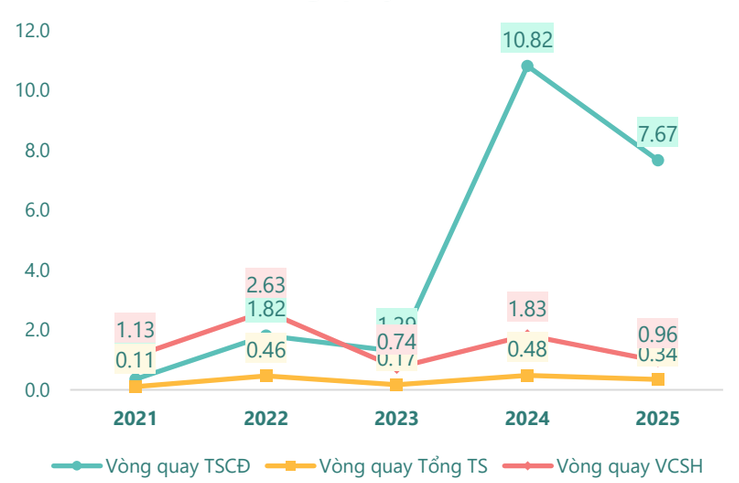
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



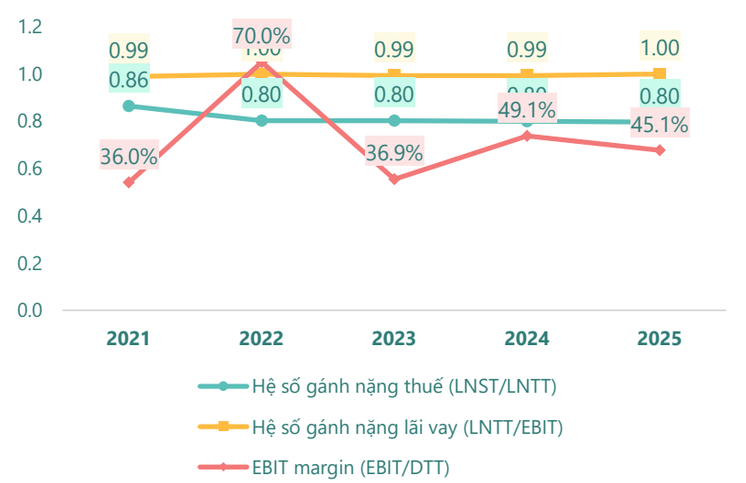
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



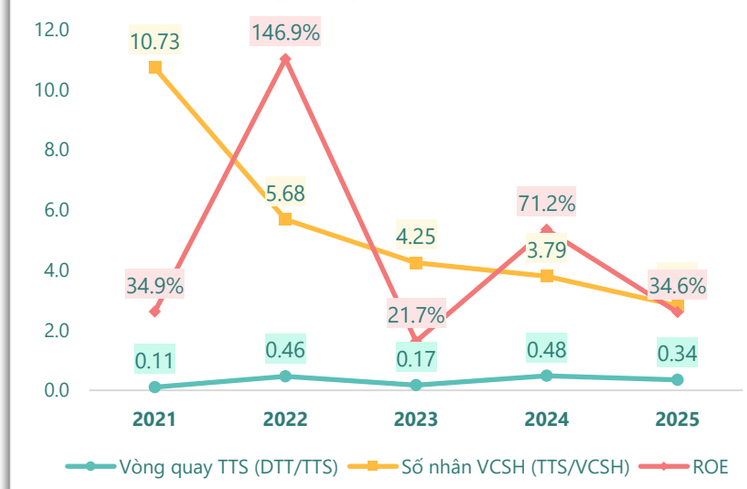
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



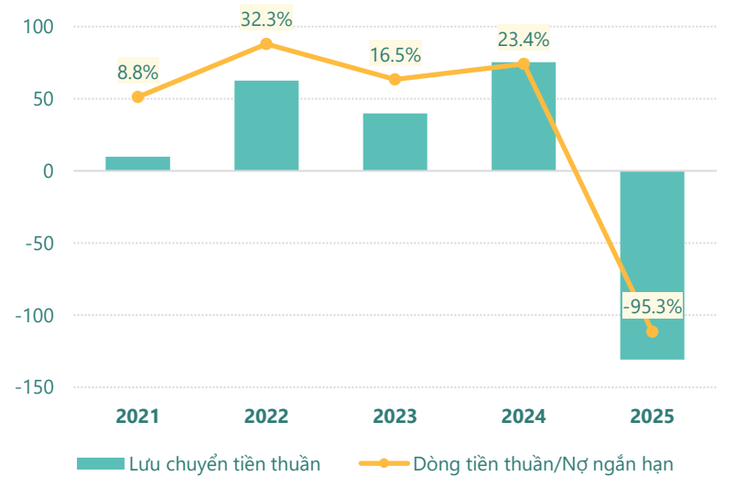
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**48.3**	**227**	**-78.7%**	**451**	**623**	**-27.6%**
Giá vốn hàng bán	31.7	83.2	-61.9%	245	300	-18.3%
Lợi nhuận gộp	16.5	143	-88.5%	206	323	-36.3%
Doanh thu HĐTC	10.3	7.31	41.5%	36.9	21.1	75.4%
Chi phí TC	0.14	0.95	-85.3%	4.23	7.46	-43.3%
Chi phí lãi vay	0.14	0.03	365%	0.19	2.49	-92.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	3.72	-100%	13.6	15.2	-10.3%
Chi phí QLDN	**6.65**	**6.55**	**1.6%**	**22.2**	**18.4**	**20.7%**
LN thuần từ HĐKD	20.1	140	-85.7%	203	303	-33.2%
Lợi nhuận khác	**-0.06**	**-0.42**	**86.0%**	**0.38**	**0.52**	**-25.8%**
LN trước thuế	20.0	139	-85.6%	203	304	-33.2%
Lợi nhuận sau thuế	**15.3**	**111**	**-86.2%**	**161**	**243**	**-33.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**15.3**	**111**	**-86.2%**	**161**	**243**	**-33.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	242	75.4	41.5	68.9	33.9	-13.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.50	-77.2	-105	-59.5	-54.3	27.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-85.4	-35.0	-40.7	-20.3	0	-9.23
Tiền đầu kỳ	81.0	236	200	95.2	84.4	64.0
Lưu chuyển tiền thuần	**155**	**-36.9**	**-104**	**-10.9**	**-20.4**	**4.76**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.06	0.07	0.00	0.04	0.02	0.00
Tiền cuối kỳ	236	200	95.2	84.4	64.0	68.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,284**	**1,345**	**-4.5%**
Tài sản ngắn hạn	858	907	-5.4%
Tiền và tương đương tiền	68.7	200	-65.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	497	296	68.0%
Phải thu ngắn hạn	100	115	-13.0%
Hàng tồn kho	190	282	-32.7%
Tài sản ngắn hạn khác	2.45	13.9	-82.4%
Tài sản dài hạn	**426**	**438**	**-2.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	59.6	57.9	2.8%
Bất động sản đầu tư	209	235	-11.1%
Tài sản dở dang	54.8	49.8	10.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	100	90.0	11.1%
Tài sản dài hạn khác	**2.53**	**5.69**	**-55.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	760	934	-18.7%
Nợ ngắn hạn	**137**	**322**	**-57.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	15.3	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	9.46	38.5%
Nợ dài hạn	622	613	1.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**524**	**410**	**27.7%**
Vốn chủ sở hữu	**524**	**410**	**27.7%**
Vốn điều lệ	306	204	50.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)